

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hứa Ngọc D**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số S đường C, khóm N, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số S đường C, khóm N, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hứa Ngọc D và ông Lâm Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Hứa Ngọc D và ông Lâm Ngọc T **thống nhất thỏa thuận**, ông Lâm Ngọc T đồng ý giao con chung tên Lâm Nhật C (nam, sinh ngày 01/3/2008) và Lâm Mộc Thảo L (nữ, sinh ngày 02/6/2011) hiện đang sống chung với bà D và ông T tại số S đường Cao T, khóm N, phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho bà Hứa Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C, cháu L đủ 18 tuổi. Ông Lâm Ngọc T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lâm Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Bà Hứa Ngọc D và ông Lâm Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Hứa Ngọc D và ông Lâm Ngọc T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hứa Ngọc D đồng ý chịu án phí ly hôn số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **bà D** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số **0001884 ngày 14 tháng 5 năm 2020** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Sóc Trăng; Hoàn trả cho bà Hứa Ngọc D số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND phường T, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền